Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 24.06.2019 15:10:17 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

Số: 758/GCN-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm tư vấn Cầu đường và Biên bản đánh giá ngày 16 tháng 6 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm tư vấn Cầu đường.

Địa chỉ: Số 1252, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội

Mã số thuế: 0104508214

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 1252, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1028**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 146/QĐ-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Trung tâm tư vấn Cầu đường;
- Sở XD TP. Hà Nội;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1028

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 758 /GCN-BXD, ngày 24 tháng 6 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định thành phần hóa	TCVN 141:08;ASTM C114;ASTM C471
5	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005; ASTM C186
6	Phụ gia khoáng	TCVN 8827:2011; ASTM C311
7	Xác định hàm lượng SO3 trong xi măng	TCVN 141:2008
8	Xác định lượng mất khi nung	TCVN 141:2008
9	Xác định độ đông cứng sớm	TCVN 10653: 2015; ASTM C451
	Hỗn hợp bê tông	
10	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
11	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp BT	TCVN 3107:93
12	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
13	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
14	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:93
15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
16	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:93
17	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726: 1993
	Cốt liệu cho bê tông và vữa	
18	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2 :06
19	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :06
20	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 :06
21	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6 :06
22	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :06
23	Xác định hàm lượng cát tương đương	AASHTO T176-02
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 06
25	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06
26	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN7572-10:06
27	XĐ độ nén dập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:06
28	XĐ độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN7572-12:06
29	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN7572-13:06
30	Xác định khả năng phản ứng kiềm - Silic của cốt liệu	TCVN 7572-14: 06, ASTM C227-10
31	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06
32	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu	TCVN 7572-16:06
33	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
34	XĐ hàm lượng mica	TCVN7572-20:06
35	Độ bền cốt liệu bằng PP sử dụng Na2SO4 hoặc MgSO4	AASHTO T104-03
	Thử nghiệm cơ lý đất	
36	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
37	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
38	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
39	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
40	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
41	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
42	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
43	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
44	Thí nghiệm sức chịu tải CBR	22TCN 332- 06
45	Xác định đặc trưng tan rã của đất	14 TCN 132-2005
46	Trương nở của đất sét	ASTM D 4546:85
47	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00
48	Xác định đặc trưng co ngót của đất	14 TCN 134-2005
49	XĐ các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD;CV)	BS 1377-P8:90
50	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	BS 1377-P7:90
51	Hàm lượng chất hữu cơ	AASHTO T267
	Thử nghiệm tại hiên trường	
52	Đo khối lượng thể tích của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71
53	Khối lượng thể tích của đất bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
54	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	22TCN 211:93
55	XĐ môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	22TCN 251:98
56	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCXD 226: 1999
57	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM D4429-92
58	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCXD 174-1989
59	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	ASTM D2573-94; AASHTO T223-81
60	Thí nghiệm xuyên động hình côn(DCP)	ASTM D6951:03
61	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN8 864:2011
62	Độ nhám mặt đương băng phương pháp rắc cát	22TCN 278 - 01
63	Thí nghiệm mô đung biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
64	Đo chuyển vị, độ vừng, ứng suất	22TCN 170 - 87
65	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ bê tông	TCVN 9335:12
66	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
67	Kiểm tra độ đồng nhất của bê tông bằng phương pháp xung siêu âm -Phương pháp xác định vận tốc xung siêu âm.	TCVN 9357:12
68	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn(PDA)	ASTM D4945-00
69	Cọc – thí nghiệm kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12
70	Cọc khoan nhồi–PP xung siêu âm xác định tính đồng nhất của bê tông	TCVN 9396:12
71	Độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
	ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH	
72	Xác định cường độ kháng ép	22TCN 59-84
73	Xác định modun đàn hồi	22TCN 59-84
74	XĐ modun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	22 TCN 72:84
75	XĐcường độ ép chẻ của VL hạt liên kết bằng các chất kết dính	22 TCN 73:84
	THỬ NGHIỆM SÉT BEN TONITE	
76	Xác định khối lượng riêng; độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Độ tách nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh; Độ pH dung dịch; Tính ổn định.	TCVN 9395:12;ASTM D4380-04 ASTM D6910–04; ASTM D4381–06 ASTM D1293 – 12; API 13A & 13B
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
77	Thử kéo	TCVN 197: 02
78	Thử uốn	TCVN 198: 2008
79	Thử uốn thép gai	TCVN 6287: 97

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
80	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401: 91
81	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402: 91
82	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 91
83	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm.	TCXD 6735 - 2000
84	Kiểm tra các mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCXD 165 -88
	BÊ TÔNG NHỰA	
85	Phương pháp thí nghiệm độ ổn định, độ dẻo marshall	TCVN 8860-1:11
86	Xác định hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng PP chiết	TCVN 8860-2:11
87	Xác định thành phần của hỗn hợp bê tông nhựa sau khi chiết	TCVN 8860-3:11
88	PP xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN	TCVN 8860-4:11
89	PP xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN	TCVN 8860-5:11
90	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
91	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
92	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:11
93	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
94	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
95	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
96	Phương pháp xác định độ ổn định của BTN	TCVN 8860-12:11
97	Thí nghiệm vệt hằn bánh xe	1617/QD-BGTVT; AASHTO T324
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
98	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355 -1 :09
99	Độ bền uốn	TCVN 6355 -2 :09
100	Độ hút nước	TCVN 6355 -3 :09
101	Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355 -4 :09
102	Khôi lượng thể tích	TCVN 6355 -5 :09
103	Xác định các tính chất cơ lý gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476: 12
104	Xác định các tính chất cơ lý gạch blốc bê tông	TCVN 6477: 11
	NƯỚC	
105	Phân tích hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560: 88
106	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560: 88
107	Xác định độ pH	TCVN 4692: 99
108	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194 : 96
109	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO_4^-)	TCVN 6200 :96
110	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565: 88
111	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:00
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vải Địa kỹ thuật và bấc thấm	
112	Bề dày	TCVN 8220
113	Bề rộng	ASTM D3774
114	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221
115	Lực kéo đứt	TCVN 8485
116	Độ giãn dài	TCVN 8485
117	Cường độ chịu kéo giật	ASTM D5034; TCVN 8871-1
118	Cường độ chịu xé hình thang của vải	TCVN 8871-2
119	Hệ số thấm của vải	ISO 11058; BS 6906-3; TCVN 8487
120	Khả năng chống xuyên thủng CBR của vải	ISO 12236; BS 6906-4;TCVN 8871-3
121	Khả năng chống rơi côn.	ISO 13433; TCVN 8484
122	Khả năng chống đâm thủng thanh.	TCVN 8871-4; ASTM E154
123	Độ bục của vải	TCVN 8871-5
124	Khả năng thoát nước của bấc thấm, vải đkt	TCVN 8483; BS 6906-7, ISO 12958
125	Khả năng thoát nước của bấc thấm (Gãy gập)	ASTM D6918

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
126	Kích thước lỗ vải (sàng khô)	TCVN 8871-6
127	Kích thước lỗ vải (sàng ướt)	TCVN 8486
128	Xác định độ hư hỏng của vải địa kỹ thuật dưới tác động của ánh sáng, độ ẩm và hơi nóng trong thiết bị Xenon Ar.	TCVN 8482
129	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138
130	Chịu nén của vật liệu chất dẻo có lỗ rỗng	ASTM D 1621; ASTM D 6364
131	Chỉ khâu vải địa kĩ thuật	TCVN 5241
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của tấm trải chống thấm	
132	Lực kéo đứt (tải trọng kéo đứt, độ giãn dài khi đứt).	TCXDVN 328-04; TCVN 9067-1
133	Độ bền chọc thủng động	TCXDVN 328-04; TCVN 9067-2
134	Độ bền nhiệt	TCXDVN 328-04; TCVN 9067-3
135	Kéo xé màng	TCXDVN 328-04; ASTM D4073
136	Độ thấm nước dưới áp lực thuỷ tĩnh	TCXDVN 328-04; TCVN 9067-4
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của màng chống thấm:	
137	Bề dày	TCVN 10266
138	Khối lượng riêng	ASTM D792
139	Cường độ chịu kéo đứt	ASTM D6693; ASTM D2523
140	Cường độ chịu xé rách	ASTM D1004-94
141	Hệ số thấm dưới áp lực thủy tĩnh	ASTM D5385-93
142	Độ bền nhiệt	TCVN 10266
143	Cường độ chịu bóc mối hàn.	ASTM D 6392-99
144	Cường độ chịu bóc ra khỏi bề mặt dính.	TCVN 10266; ASTM D903
145	Tốc độ truyền hơi nước của vật liệu	ASTM E96
146	Lực chịu kéo màng GCL	ASTM D6768
147	Hệ số thấm	ASTM D 5084
148	Khối lượng màng chống thấm GCL	ASTM D 5993
149	Lực chịu kháng bóc giữa lớp trên và dưới của màng GCL	ASTM D6496
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của Băng cản nước	
150	Độ cứng (Shore A)	TCVN 1595;ASTM D2240;ISO7619-1
151	Cường độ chịu kéo đứt và độ dãn dài (cao su)	TCVN 4509; ISO 37
152	Cường độ chịu kéo đứt và độ dãn dài (PVC)	TCVN 4501; ISO 527; JIS K 6773
153	Lực chịu xé rách	ASTM D624
154	Lực chịu kéo và dãn dài Polymer và Composite	ASTM D3039
155	Độ hút nước PVC	ASTM D570
156	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý xốp chèn khe	ASTM D545; T 42
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của lưới địa kỹ thuật	
157	Cường độ chịu kéo và dãi dài	ASTM D6637; ISO 10319
158	Cắt trực tiếp trên thiết bị khổ lớn	ASTM D5321
159	Thí nghiệm kéo tuột lưới ĐKT	ASTM D6706
160	Cường độ kéo mối nối	ASTM D7737
161	Điểm nóng chảy	ASTM D276; EN ISO 3146
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây	
162	Độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3
163	Khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10
164	Cường độ uốn và nén	TCVN 3121-11
165	Độ nhớt của vữa bơm	TCVN 4459
166	Độ tách nước của vữa bơm	TCVN 4459
167	Độ co ngót của vữa bơm	TCVN 4459
168	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03; TCVN 9204:2012
169	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
170	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 9204:2012; TCVN 9080:2012
171	Độ nhớt của vữa bơm	TCVN 4459:87
172	Xác định độ dính bám	TCVN 9080:2012; TCVN 3121:2003
173	Xác định thời gian công tác	TCVN 9080:2012; TCVN 9034:2011
174	Xác định hàm lượng ion Clo	TCVN 3121:2003
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch bê tông xi măng	
175	Gạch bê tông tự chèn - Xác định cường độ nén	TCVN 6476-99
176	Gạch xi măng lát nền - Xác định độ mài mòn	TCVN 6065-95
177	Gạch xi măng lát nền - Xác định độ chịu lực va đập xung kích	TCVN 6065-95
178	Gạch xi măng lát nền - Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065-95
179	Gạch bê tông - Xác định cường độ nén	TCVN 6477-11
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của thép và mối hàn	
180	Thử kéo	TCVN 197: 02
181	Thử uốn	TCVN 198: 2008
182	Thử uốn thép gai	TCVN 6287: 97
183	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401: 91
184	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402: 91
185	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 91
186	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm.	TCXD 6735 - 2000
187	Kiểm tra các mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCXD 165 -88
188	Độ cứng xác định theo phương pháp Brinen	TCVN 256
189	Độ cứng xác định theo phương pháp Rockwell	TCVN 257
190	Độ dai va đập	TCVN 312, TCVN 5402
191	Thử mỏi	TCVN 4169, TCVN 8185
192	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401
193	Thử uốn va đập	TCVN 5402
194	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403,TCVN 8310 TCVN 8311
195	Thử nghiệm khả năng làm việc của hệ thống neo và cáp dự ứng lực	22TCN 247
196	Phương pháp thử kéo	ASTM A370
197	Thử nghiệm chùng ứng suất của vật liệu và cấu kiện	TCVN 10270
198	Thử nghiệm hệ số xiết của bu lông cường độ cao	JIS B1186
199	Thử nghiệm lực căng của tấm lưới (dùng làm rọ đá)	ASTM A975
200	Thử nghiệm lực căng tại vòng xoắn mắt lưới (dùng làm rọ đá)	ASTM A975
201	Thử kéo tĩnh mối nối bằng ống ren	TCVN 8163-09
202	Ống - Thử nén bẹp	TCVN 1830-08
203	Chiều dầy lớp mạ (lớp phủ)	ASTM E376
204	Mật độ lớp mạ	ASTM A90
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gối cầu	
205	Độ cứng Shore A	TCVN 1595
206	Thử kéo dãn vật liệu chất dẻo	TCVN 4501
207	Độ bám dính với kim loại	TCVN 4867
208	Độ bền kéo đứt	TCVN 4509
209	Độ dãn dài khi đứt	TCVN 4509
210	Độ dãn dư	TCVN 4509
211	Biến dạng nén dư	TCVN 5320
212	Hệ số hóa già của cao su	TCVN 2229
213	Mô đun trượt cuả cao su	22TCN 217, TCVN 10308
214	Mô đun trượt của gối cầu cao su cốt bản thép	22TCN 217, TCVN 10308
215	Thử nén ngắn hạn gối cầu cao su	ASTM D4014
216	Thử nén dài hạn gối cầu cao su	ASTM D4014

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
217	Thử nghiệm nén thẳng đứng gối chậu	ASTM D5977
218	Thử nghiệm góc xoay gối chậu	ASTM D5977
219	Thí nghiệm hệ số ma sát gối chậu	TCVN 10269
220	Thử nghiệm lực đẩy ngang của gối chậu	TCVN 10269
221	Xác định độ bền xé rách	TCVN 1597
222	Xác định mức độ tác động của chất lỏng	TCVN 2752
223	Xác định mức độ hư hỏng do ozon	ASTM D1149; EN 27326
224	Xác định nhiệt độ hóa giòn	TCVN 5321
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cao su xốp - vật liệu chèn khe	
225	Khả năng hồi phục	ASTM D545; AASHTO M33; AASHTO T42
226	Thí nghiệm nén	ASTM D545; AASHTO M33; AASHTO T42
227	Độ hút nước	ASTM D545; AASHTO M33; AASHTO T42
228	Tỷ trọng	ASTM D545; AASHTO M33; AASHTO T42
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vòng đệm lò xo	
229	Thử độ dai	TCVN 130
230	Thí nghiệm độ cứng	TCVN 130
231	Thử tính đàn hồi	TCVN 130
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của tà vẹt bê tông	
232	Thử nghiệm uốn tĩnh tà vẹt bê tông	EN 13230
233	Độ bền của tà vẹt bê tông chịu tải trọng động	22 TCN 71
234	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cống bê tông cốt thép	TCVN 9113; BS EN 124
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của ống PVC, ống nhựa, ống kim loại	
235	Kích thước hình học	TCVN 9070:12; TCVN 8492:11
236	Nén bẹp	TCVN 9562:2013
237	Độ cứng vòng	TCVN 8492
238	Độ đàn hồi vòng	TCVN 8492
239	Xác định độ bền áp suất	TCVN 1832:2008
240	Xác định độ bền kéo	TCVN 7434:2004
241	Độ kín	TCVN 10177:2013
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của chất dẻo có cốt sợi	
242	Thí nghiệm kéo	JSCE-E 541-2000; JIS A1191;ASTM D3039; ASTM D3916; ACI 440.3R;
243	Thí nghiệm dính bám với bê tông	JSCE-E 543-00;ASTM D944;ACI 440.3R
244	Thí nghiệm dính bám với bản thép	JSCE-E 544-2000; ACI 440.3R
245	Thí nghiệm kéo nhổ	JSCE-E 545-2000; ASTM D4551; ASTM C882; ACI 440.3R
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bitum	
246	Độ kim lún	TCVN 7495
247	Độ kéo dài	TCVN 7496
248	Điểm hóa mềm	TCVN 7497
249	Điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498
250	Lượng tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499
251	Độ hòa tan trong Tricloetyen	TCVN 7500
252	Khối lượng riêng	TCVN 7501
253	Hàm lượng paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503
254	Độ dính bám với đá	TCVN 7504
255	Độ nhớt động học ở 135 oC, mm2/s (cSt)	TCVN 7502:2005

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
256	Độ nhớt động học ở 60 oC, Pa.s	TCVN 8818-5: 2011
257	Chỉ số độ kim lún PI	Phụ lục II TT27/2014/TT-BGTVT
258	Độ đàn hồi của nhựa đường Polime	22TCN 319-04
259	Độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	23TCN 319-04
260	Độ nhớt Brookfield	24TCN 319-04
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhũ tương nhựa lỏng	
261	Hàm lượng nhựa có trong nhũ tương	TCVN 8817-10: 2011
262	Độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2: 2011
263	Độ ổn định khi lưu kho 24 giờ	TCVN 8817-3: 2011
264	Lượng hạt lớn hơn 850 mm (Thí nghiệm sàng)	TCVN 8817-4: 2011
265	Hàm lượng hạt lớn hơn 1,40mm, thí nghiệm trộn xi măng	TCVN8817-5: 2011
266	Điện tích hạt	TCVN8817-5: 2011
267	Độ khử nhũ	TCVN 8817-6: 2011
268	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7: 2011
269	Độ dính bám với cốt liệu	TCVN 8817-8: 2011
270	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9: 2011
271	Hàm lượng nước có trong nhựa lỏng	TCVN 8818-3: 2011
272	Thí nghiệm chưng cất nhựa lỏng	TCVN 8818-4: 2011
273	Nhiệt độ bắt lửa của nhựa lỏng	TCVN 8818-2: 2011
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của mastic	
274	Độ xuyên côn	ASTM D5329
275	Độ chảy	ASTM D5329
276	Độ đàn hồi dẻo	ASTM D5329
277	Khả năng tương thích của Mastic với bê tông nhựa	ASTM D5329
278	Tính dẻo của Mastic	ASTM D5329
279	Độ hòa tan của Mastic	ASTM D5329
	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của Sơn và vecni	
280	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 2090:2015; ISO 15528:2013
281	Phương pháp xác định độ mịn	TCVN 2091:2015; ISO 1524:2013
282	Phương pháp xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013; ISO 2431:2011
283	Phương pháp xác định độ dày màng	TCVN 9760:2013; ISO 2080: 2007
284	Sự phong hóa tự nhiên của lớp phủ - Phơi mẫu và đánh giá	TCVN 9761:2013; ISO 2810:2004.
285	Xác định ảnh hưởng của nhiệt	TCVN 9762:2013; ISO 3248:1998

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (Đối với các tiêu chuẩn nước ngoài tương đương với TCVN được công nhận). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.